TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 26 - 7 - 2019.
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa, bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Ngọc Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đoàn Bá K**; sinh năm 1978; nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**; sinh năm 1985; nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã H huyện N, tỉnh Hải Dương; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện đang ở Đài Loan (Không rõ địa chỉ)- Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng: Bà **Trịnh Thị N**; sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, Hải Dương- Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn anh Đoàn Bá K trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau ngày 21/5/2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Anh chị kết hôn tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại thôn L, xã H, huyện N. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên thường xảy ra đánh, cãi chửi nhau không quan tâm đến nhau. Năm 2011, anh đi lao động tại Đài Loan, còn chị L ở chung cùng bố mẹ chồng. Đến năm 2013 anh được biết chị L ở nhà đã quan hệ bất chính với người đàn ông khác và đã có con. Từ đó anh và chị L không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Thông qua gia đình anh

được biết chị L đã đi Đài Loan lao động từ năm 2016, hiện đã trốn ra ngoài làm ăn đến nay chưa về Việt Nam. Tháng 3/2019, anh về nước và xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Đoàn Đức A, sinh ngày 15/02/2005 và Đoàn Việt A, sinh ngày 16/5/2008, hiện cả 02 con đang ở với anh. Khi ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung. Do chị L đang ở nước ngoài nên anh tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bà Trịnh Thị N (mẹ đẻ chị L) trình bày*: Anh K, chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H năm 2004. Vợ chồng chung sống được khoảng 07 đến 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K đi lao động ở nước ngoài, không thường xuyên gửi tiền về cho chị L nuôi con, vợ chồng sống xa cách nên không còn tình cảm. Ngoài ra anh chị bất đồng quan điểm và nghi ngờ nhau về lòng chung thủy, gọi điện cho nhau là cãi lộn nên sau đó không quan tâm đến nhau. Năm 2016, chị L đi lao động tại Nhật Bản được một năm thì về nước nhưng đến tháng 4/2018, chị L lại đi lao động tại Đài Loan. Lúc đầu chị L làm tại Công ty nhưng sau đó lại trốn ra ngoài cho đến nay nên bà không rõ địa chỉ cụ thể của chị L. Tuy nhiên chị L vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà và các con qua điện thoại và Facebook. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho chị L biết về việc anh K xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng 02 con chung. Chị L không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể ở Đài Loan và do bận công việc nên chị L không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án mà có quan điểm bằng lời nói như sau: Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn vì vợ chồng đã có mâu thuẫn do mất niềm tin, cả hai đều nghi ngờ nhau về lòng chung thủy, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại dẫn đến không còn quan tâm đến nhau. Nay chị không muốn níu kéo cuộc sống chung nữa nên nay anh K xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Về con chung: Chị L nhất trí để anh K trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: Chị Nguyễn Thị L đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số B8665313 và xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài ngày 17/4/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự. Thẩm phán đã gửi đầy đủ các văn bản tố tụng, hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử vụ án mới được 02 tháng 23 ngày, chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự: "...phiên tòa phải được mở sớm nhất là 09 tháng và chậm nhất là 12 tháng, kể từ ngày ra văn bản thông báo thụ lý vụ án...". Mặc dù tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa và yêu cầu Tòa án tiếp tục yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ của bị đơn đến khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử. Nhưng Tòa án vẫn tiếp tục xét xử nên Kiểm sát viên không phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên chị L vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã hai lần yêu cầu bà Trịnh Thị N (là mẹ đẻ) cung cấp địa chỉ của chị L nhưng không có kết quả, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị L vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

Nguyên đơn anh Đoàn Bá K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Bá K và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/5/2004. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh K và chị L chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị sống xa cách nhau, nghi ngờ nhau về lòng chung thủy, bất đồng quan điểm sống. Do vậy anh chị đã thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã khắc phục mâu thuẫn, tìm biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo cuộc sống chung nhưng không được nên đã không còn quan tâm đến nhau từ năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng và kéo dài, đã khắc phục nhưng không đươc. Anh chị đã sống ly thân thời gian dài không còn quan tâm đến nhau nữa. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K. Xử cho anh Đoàn Bá K được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

[3] Về con chung: Anh K và chị L có 02 con chung là Đoàn Đức A, sinh ngày 15/02/2005 và Đoàn Việt A, sinh ngày 16/5/2008 hiện đang do anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Nay anh K có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện chị L đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ, anh K có đủ điều kiện nuôi con. Các con chung của anh chị cũng có

nguyện vọng xin được ở với anh K. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh K, giao cho anh K được trực tiếp nuôi cả 02 con chung; chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Đoàn Bá K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đoàn Bá K được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Xử giao 02 con chung là Đoàn Đức A, sinh ngày 15/02/2005 và Đoàn Việt A, sinh ngày 16/5/2008 cho anh Đoàn Bá K được trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đoàn Bá K phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0007398 ngày 18/4/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh K đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị L đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Quyết